

Số: 189 /BC-UBND

Trà Cú, ngày 18 tháng 5 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**Công tác thực hành tiết kiệm,**  
**chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2021**

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh

Thực hiện Công văn số 944/STC-TTra ngày 27/4/2021 của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh về việc báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2021;

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2021 (số liệu tính từ ngày 01/01/2021 đến 10/5/2021), cụ thể như sau:

**I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

**1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP)**

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền học tập và quán triệt Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Qua đó tăng cường sự hiểu biết về pháp luật, nâng cao nhận thức và có những hành động, việc làm cụ thể tạo sự chuyển biến trong lề lối làm việc, cải cách hành chính và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Kết quả trong 6 tháng đầu năm 2021, triển khai chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và quán triệt Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cho 20/20 cơ quan, phòng, ban, ngành huyện, 17/17 xã, thị trấn và 58 trường học trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo. - Từng đơn vị ngành huyện, các xã, thị trấn có xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt các văn bản có liên quan về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Lồng ghép tuyên truyền Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong Kế hoạch tuyên truyền của Hội đồng tuyên truyền phổ biến pháp luật của huyện.

**2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP**

- Thực hiện quy định tại Điều 64 và từ Điều 67 đến Điều 74 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; căn cứ chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh tại Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 29/1/2021, trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày



26/2/2021 để chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021.

- Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước (NSNN), công quỹ, tài sản công, quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển. Kết quả có 20 đơn vị ngành huyện, 58 đơn vị trường học và 17 xã, thị trấn thực hiện công khai theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được NSNN hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách ... và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính các cấp, các đơn vị đúng quy định.

**3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP:** Không có.

## **II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

### **1. Kết quả THTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực**

*a) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:*

Ủy ban nhân dân huyện triển khai, phổ biến rộng rãi các quy định mới về định mức, tiêu chuẩn để các cơ quan, đơn vị nghiên cứu thực hiện đúng quy định; đồng thời, chỉ đạo công khai, thông tin rộng rãi để người dân biết, giám sát. Các ban, ngành huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với nguồn kinh phí, tài sản được giao quản lý, sử dụng. Việc mua sắm trang thiết bị thực hiện theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị; Nghị quyết số 63/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê và xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

*b) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi quản lý:*

Quyết định số 3909/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2021, trong đó giao chỉ tiêu tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên ngay từ đầu năm là 7.478 triệu đồng. Ngân sách thực hiện việc giữ lại 6.739 triệu đồng, thấp hơn số tỉnh giao là 739 triệu đồng (*trong đó: Ngân sách huyện: 5.620 triệu đồng; ngân sách xã, thị trấn: 1.119 triệu đồng*).

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong một số trường hợp sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước: Thực hiện cơ chế giao khoán kinh phí ngân sách cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp trên địa bàn huyện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự



chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

*c) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực Nhà nước:*

- Về mua sắm, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại: Trong 6 tháng đầu năm, không mua sắm tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức quy định, cụ thể: Hiện tại toàn huyện có 05 xe ô tô công (01 xe chuyên dùng Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện quản lý, sử dụng, Văn phòng Huyện ủy và Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện quản lý, sử dụng 04 xe).

- Về mua sắm, sử dụng trang thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực Nhà nước đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả đúng theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị; Nghị quyết số 63/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê và xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

*d) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng các dự án sử dụng NSNN, tiền, tài sản Nhà nước:*

Trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm 2021, tiết kiệm được kinh phí trong đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, chỉ định thầu, với số tiền 644,052 triệu đồng.

Trong quản lý sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ (kể cả các công trình kiến trúc khác với diện tích đất thuộc trụ sở làm việc) các đơn vị quản lý, sử dụng đúng mục đích có hiệu quả và đảm bảo thực hành tiết kiệm. Các ban, ngành huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn trong phạm vi quản lý của mình thực hiện việc kiểm tra rà soát diện tích đất đai, trụ sở làm việc được bố trí, sử dụng hợp lý đúng chế độ, tiêu chuẩn quy định để đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Đến nay huyện đã rà soát, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước theo Quyết định số 09/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tổng diện tích đất công trên địa bàn huyện là 504.423,3 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích trụ sở hiện có là 93.161,05 m<sup>2</sup>.

*e) Tình hình, kết quả thanh tra, kiểm tra về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong kỳ:*

Trong 6 tháng năm 2021, đang thực hiện cuộc thanh tra việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN và các nguồn thu, chi ngoài NSNN đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan.

*e) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:*



Trong quản lý sử dụng đất đai, tài nguyên, các ban, ngành huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm quản lý quỹ đất được giao và 90% cơ quan được cấp quyền sử dụng đất. Huyện đã bố trí sắp xếp lại nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước theo nguyên tắc, thu hồi trụ sở làm việc sử dụng không đúng mục đích được giao để thực hiện điều chuyển từ nơi không có nhu cầu sử dụng sang nơi có nhu cầu sử dụng. Trong 6 tháng đầu năm 2021 đã tổ chức tuần tra, kiểm soát việc khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện, phát hiện 11 trường hợp vi phạm, trong đó giáo dục 08 trường hợp, đề nghị về Phòng ngân sách kinh tế Công an tỉnh xử lý 01 trường hợp, 01 trường hợp đang xác minh, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử phạt vi phạm hành chính 01 trường hợp với số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và tịch thu 01 xe cuốc, 01 xe ben.

## **2. Báo cáo đánh giá về những tồn tại, hạn chế và những kiến nghị, đề xuất để tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

### *a) Đánh giá kết quả đạt được:*

Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được xem là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên, nhất là trong quản lý NSNN, từ đó Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Hầu hết các đơn vị quản lý và sử dụng kinh phí đúng theo dự toán được giao, các đơn vị xây dựng kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và đề ra biện pháp tổ chức thực hiện tối đa về điện nước, điện thoại, văn phòng phẩm, hội họp...

Thường xuyên thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên các lĩnh vực như: Quản lý ngân sách Nhà nước; quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đúng theo Chỉ thị số 47/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ nên trong quá trình xây dựng đáp ứng yêu cầu và thực hiện tiết kiệm, không để thất thoát, lãng phí; quản lý, sử dụng đất đai, sử dụng đất cho các công trình, dự án.

### *b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:*

Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí từng bước đi vào nền nếp, tuy nhiên quá trình thực hiện từng lúc chưa đi vào chiều sâu, công tác báo cáo thỉnh thị chưa kịp thời, một số đơn vị chưa thực sự xem đây là nhiệm vụ thường xuyên.

Việc thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn huyện mặc dù có sự chuyển biến theo hướng tích cực, tuy nhiên vẫn còn một số thủ tục hành chính chưa thực sự gọn nhẹ, nhất là lĩnh vực đất đai.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP VỀ THTK, CLP CẦN TẬP TRUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI**

1. Tiếp tục xem việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ hàng ngày và nội dung sinh hoạt hàng tháng của cơ quan, tổ chức; tăng cường tuyên



truyền, giáo dục để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân hiểu đúng và thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về THPT, CLP.

2. Vận động xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội theo hướng lành mạnh, tiết kiệm, tránh xa hoa, lãng phí; chống lợi dụng việc cưới, việc tang để vụ lợi; chống thương mại hóa lễ hội. Cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức các cơ quan, tổ chức phải gương mẫu chấp hành các qui định của Trung ương và địa phương về việc cưới, việc tang, lễ hội. Coi đây là tiêu chuẩn đánh giá cán bộ, công chức, viên chức. Đồng thời, phê bình và xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm.

3. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 22/7/2010 của Bộ Chính trị về tổ chức các ngày kỷ niệm theo hướng tiếp tục tiết giảm quy mô, thời gian, đảm bảo thiết thực, thật sự tiết kiệm và có ý nghĩa giáo dục. Việc tổ chức các chuyến đi công tác cơ sở, tham dự các cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị đúng Quy định số 60-QĐ/TW. Cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp không tham dự lễ hội và các hoạt động cắt băng khánh thành, động thổ, khai trương... nếu không được cấp có thẩm quyền phân công.

4. Việc tổ chức các hội nghị đảm bảo chất lượng, tiết kiệm, thành phần tham dự thiết thực, nội dung họp được chuẩn bị kỹ. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành và xử lý công việc trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice.

5. Việc đi nghiên cứu học tập, tìm hiểu tình hình cần phải có mục đích, nội dung, kế hoạch rõ ràng, tránh trùng lặp với các đoàn đi trước; thành phần thật sự cần thiết cho công việc, khi kết thúc phải có báo cáo về kết quả chuyến đi cho cấp có thẩm quyền.

6. Tổ chức những hoạt động nhân các ngày lễ lớn đảm bảo thiết thực, hướng về cơ sở. Tổ chức thăm hỏi gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình cách mạng, mẹ Việt Nam anh hùng ...Chú trọng chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho các gia đình nghèo, đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

7. Đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa quản lý; thực hiện kiên trì, kiên quyết, có hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong THPT, CLP.

Trên đây là báo cáo kết quả THPT, CLP 6 tháng đầu năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Văn Nghị**

**PHỤ LỤC**  
**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

*Đính kèm theo Báo cáo số 129 /BC-UBND ngày 18 /5/2021 của Chủ tịch UBND huyện Trà Cú*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 6 tháng đầu năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
<b>I</b>	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	Văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	Văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	Vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	Đồng						
<b>II</b>	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>							
<b>1</b>	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>		<b>7,549,646,000</b>	<b>7,478,000,000</b>	<b>6,738,968,000</b>	<b>89.26</b>	<b>90.12</b>	
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức (điều chỉnh giảm do giáo viên nghỉ hưu và sắp xếp biên chế)	Đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	Đồng	7,549,646,000	7,478,000,000	6,738,968,000	89.26	90.12	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	Đồng						
1.4	Các nội dung khác							
<b>2</b>	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>	<b>Đồng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			





STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 6 tháng đầu năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	Đồng	0	0	0			Số tiền TK xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm lương, phụ cấp lương do khuyết biên chế</i>	Đồng						
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	Đồng						
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	Đồng						
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	Đồng						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Đồng						
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	Đồng						
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	Đồng						
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	Đồng						
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	Đồng						
	<i>Tiết kiệm chi chuyên môn</i>	Đồng						
	<i>Tiết kiệm chi thuê mượn</i>	Đồng						
	<i>Tiết kiệm chi khác</i>	Đồng						
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	Đồng						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	Đồng						Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	Đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	Đồng						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	Đồng						
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	Đồng						
	<i>Các nội dung khác</i>							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	Đồng						
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	Đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	Đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	Đồng		0				
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	Đồng						
<b>3</b>	<b>Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ</b>							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	Đơn vị	94	94	94			
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	Đơn vị						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 6 tháng đầu năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	Đồng						
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>III</b>	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>		<b>5</b>	<b>4</b>	<b>5</b>			
<b>1</b>	<b>Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)</b>		<b>5</b>	<b>4</b>	<b>5</b>			
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	Chiếc	5	4	5			Có 4 xe ô tô VP Huyện ủy và HĐND-UBND, 01 xe của Trung tâm Văn hóa TT và Thể thao
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	Chiếc		-	-			
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	Chiếc		-	-			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	Đồng						
<b>2</b>	<b>Tài sản khác</b>							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	Tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	Tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	Đồng						
<b>3</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>IV</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng</b>		<b>2,164,255,000</b>	<b>0</b>	<b>644,556,423</b>			
<b>1</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng</b>		<b>2,164,255,000</b>	<b>0</b>	<b>644,052,000</b>			
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	Dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Đồng	<b>2,164,255,000</b>	<b>0</b>	<b>644,052,000</b>	29.76		





STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 6 tháng đầu năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	Đồng						
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	Đồng	2,164,255,000		644,052,000	29.76		
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	Đồng						
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	Đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	Đồng						Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	Dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	<i>Số lượng</i>	Dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	Đồng						
<b>2</b>	<b>Trụ sở làm việc</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>504,423.3</b>	<b>0.0</b>		
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2			504,423.3			
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	Đồng						
<b>3</b>	<b>Nhà công vụ</b>							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	Đồng						
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>V</b>	<b>Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>							
<b>1</b>	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>							



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 6 tháng đầu năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Đồng						
1.4	Các nội dung khác							
<b>2</b>	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	Vụ	12		1			
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Đồng	24,000,000		2,000,000			
<b>3</b>	<b>Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được</b>							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	Dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	Đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>VI</b>	<b>Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước</b>							
<b>1</b>	<b>Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động</b>	Vụ						
<b>2</b>	<b>Số tiền xử lý vi phạm thu được</b>	Đồng						
<b>3</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>VII</b>	<b>Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>							
<b>1</b>	<b>Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh</b>							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Đồng						
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Đồng						





STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 6 tháng đầu năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	Đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	Đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	Đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	Đồng						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	Đồng						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	Đồng						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	Đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	Dự án						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	Đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	<b>Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN</b>							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	Đồng						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	Đồng						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	Đồng						
4	<b>Mua sắm phương tiện</b>							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	Chiếc						
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	Chiếc						
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	Đồng						
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	Chiếc						
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	Đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc						
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	Chiếc						
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	Đồng						



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 6 tháng đầu năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
<b>5</b>	<b>Nợ phải thu khó đòi</b>							
	Số đầu kỳ	Đồng						
	Số cuối kỳ	Đồng						
<b>6</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>							
	Số đầu năm	Đồng						
	Số cuối kỳ	Đồng						
<b>VIII</b>	<b>Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân</b>							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
<b>IX</b>	<b>Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP</b>							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	Cuộc	1	2	1			Đang thực hiện thanh tra tại phòng GD-ĐT huyện
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	Cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị		2				
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	Cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	Đồng						